|  |  |
| --- | --- |
| **PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA**  **ĐỀ 1** | **ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2025**  **MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP**  **Thời gian: 50 phút** |

**I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN ( 6 ĐIỂM)**

**Câu 1:** Dựa vào nguồn gốc, cây trồng có thể được chia làm những nhóm nào?

**A.** Nhóm cây lấy gỗ và cây rau.

**B.** Nhóm cây hằng năm và cây lâu năm.

**C.** Nhóm cây ôn đới, nhiệt đới và á nhiệt đới.

**D.** Nhóm cây lương thực và cây ăn quả.

**Câu 2:**Giá thể hữu cơ dùng để trồng cây có nguồn gốc từ:

**A.** thực vật, cát, sỏi

**B.** động vật, sỏi

**C.** thực vật và động vật.

**D.** đá, cát, sỏi.

**Câu 3.** Loại phân nào làm đất bị chua và thoái hóa nếu sử dụng nhiều trong thời gian dài?

**A**.Phân đạm **B.** Phân xanh

**C.** Phân cá **D.** Phân hữu cơ

**Câu 4.** Đề xuất hệ thống trồng cây không dùng đất thích hợp cho các loại rau ăn quả.

**A.** Thủy canh tĩnh

**B.** Thủy canh NFT

**C.** Trồng cây trên giá thể tưới nhỏ giọt

**D.** Thủy canh thủy triều

**Câu 5.** Dựa vào căn cứ nào để phân loại vật nuôi?

**A.** Kích thước của vật nuôi **B.** Nguồn gốc

**C.** Giới tính của vật nuôi **D.** Khối lượng của vật nuôi

**Câu 6.** Hạn chế của phương thức chăn thả tự do là gì?

**A.** Mức đầu tư thấp.

**B.** Tận dụng được nguồn thức ăn ở địa phương.

**C.** Năng suất thấp, hiệu quả kinh tế thấp.

**D.** Ít gây ô nhiễm môi trường.

**Câu 7.** Bác An có 1 con bò sữa có năng suất sữa là 12000 kg sữa/chu kỳ. Bác An muốn khai thác triệt để tiềm năng di truyền của con bò này, em hãy đề xuất phương pháp thích hợp giúp bác An.

A.Lai xa **B.** Nhân giống thuần chủng

**C.** Cấy truyền phôi **D.** Lai cải tạo

**Câu 8.** Nguyên liệu thường sử dụng để chế biến thức ăn giàu tinh bột cho vật nuôi là nhóm nguyên liệu nào sau đây?

**A.** Bột ngô, khoai, sắn **C.** Bột vỏ tôm, vỏ cua

**B.** Các loại bột tôm, cá **D.** Các loại rau cỏ, lá cây

**Câu 9:** Chế biến lâm sản là:

**A.** hoạt động sử dụng sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ để tạo ra các sản phẩm hữu ích, phục vụ nhu cầu thiết yếu cho con người.

**B.** hoạt động sử dụng sản phẩm gỗ để tạo ra các sản phẩm hữu ích, phục vụ nhu cầu thiết yếu cho con người.

**C.** hoạt động chặt phá rừng để lấy các loại gỗ quý nằm tạo ra các sản phẩm, phục vụ nhu cầu thiết yếu cho con người.

**D.** hoạt động săn bắt động vật quý hiếm trong rừng tạo ra các sản phẩm, phục vụ nhu cầu cho con người.

**Câu 10:** Đặc trưng chu kì sinh trưởng kéo dài của cây rừng gây ra hạn chế gì cho sản xuất lâm nghiệp?

**A.** Thời gian thu hoạch rừng lâu và kéo dài, sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp khó khăn.

**B.** Tốc độ quay vòng vốn chậm, thời gian thu hồi vốn lâu ảnh hưởng đến tình hình tổ chức sản xuất, quản lí, sử dụng các nguồn lực trong lâm nghiệp.

**C.** Thời gian thu hoạch rừng kéo dài dẫn đến thu hồi vốn lâu, hiệu quả kinh tế thấp.

**D.** Quản lí, sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp khó khăn, hiệu quả kinh tế thấp.

**Câu 11.** Trồng rừng có vai trò nào sau đây?

**A.** Cung cấp lương thực cho con người.

**B.** Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

**C.** Giảm sự phát triển của cỏ dại.

**D.** Cung cấp thức ăn để phát triển chăn nuôi.

**Câu 12.** Trong hoạt động chăm sóc rừng, các công việc “tỉa cành, tỉa thưa” nhằm mục đích nào sau đây?

**A.** Hạn chế sự cạnh tranhdinh dưỡng của cây dại với cây rừng.

**B.** Hạn chếsự sinhtrưởng, phát triểncủa cây dại.

**C.** Tạo không gian thuận lợi cho quá trình sinhtrưởng của cây rừng.

**D.** Giúp cây rừng nâng cao sức đề kháng, tăng sức khả năng chống chịu sâu, bệnh hại.

**Câu 13.** Cây rừng ở giai đoạn thành thục có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Sinh trưởng chậmlại**,** tán cây đã định hình.

**B.** Khả năngra hoa, đậu quả giảm.

**C.** Cây chuẩn bị bước vào giai đoạn hình thành quả.

**D.** Tính chống chịu của cây kém, mẫn cảm với các điều kiện bất lợi của môi trường.

**Câu 14.** Phân loại thủy sản theo nguồn gốc gồm có các nhóm:

1. nhóm bản địa
2. nhóm ngoại nhập
3. nhóm nước ngọt
4. nhóm nước mặn
5. nhóm nước lợ

Số nhận định đúng là:

**A.** 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

**Câu 15:** Loài thủy sản nước ngọt thuộc nhóm ăn thịt là:

**A.** cá bống tượng. **B.** cá trê. **C.** cá chép. **D.** cá trôi.

**Câu 16:** Một số phương thức nuôi thủy sản ở Việt Nam là:

**A.** quảng canh, thâm canh, bán thâm canh.

**B.** chăn thả tự do, công nghiệp, bán công nghiệp.

**C.** chăn thả tự do, thâm canh, bán thâm canh.

**D.** quảng canh, công nghiệp, bán công nghiệp.

**Câu 17.** Trong các phương thức nuôi thủy sản ở Việt Nam hiện nay, phương thức nào thu được năng suất và hiệu quả kinh tế cao nhất?

**A.** Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh **B.** Nuôi trồng thủy sản quảng canh

**C.** Nuôi trồng thủy sản quảng canh cải tiến **D.** Nuôi trồng thủy sản thâm canh

**Câu 18.** Em hãy đề xuất phương thức nuôi trồng thủy sản giúp tăng năng suất trong nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam.

**A.** Quảng canh **B.** Thâm canh.

**C.** Bán thâm canh **D.** Quảng canh cải tiến

**Câu 19.** Em hãy cho biết vì saoao nuôi thủy sản thâm canh thường có hàm lượng ammonia cao?

**A.** Sử dụng nhiều thức ăn có hàm lượng dinh dưỡng cao.

**B.** Sử dụng nhiều thức ăn tự nhiên

**C.** Oxygen hòa tan thấp và độ pH thấp

**D.** Độ mặn trong nước cao và độ pH thấp

**Câu 20.** Phương thức sinh sản của hầu hết các loài cá là

**A.** cá đẻ con, thụ tinh ngoài.

**B.** cá đẻ trứng, thụ tinh trong.

**C.** cá đẻ trứng, thụ tinh ngoài.

**D.** cá đẻ con, thụ tinh trong.

**Câu 21.** Thành phần dinh dưỡng của hầu hết các nhóm thức ăn thủy sản là:

**A.** nước, protein, lipid, carbohydrate, vitamin và khoáng chất.

**B.** nước, protein, lipid, khoáng vi lượng, tảo xanh, sinh vật phù du.

**C.** khô dầu đậu tương, ngũ cốc, nước, lipid, khoáng đa lượng, .

**D.** nước, carbohydrate, chất kết dính, chất tạo màu, lipid, vitamin.

**Câu 22.** Cũng giống như nhiều động vật thuỷ sản khác, tôm thẻ chân trắng sử dụng protein là nguồn năg lượng chính và cần ít nhất 1,8 – 3,8g protein/kg tôm/ngày để duy trì hoạt động. Tôm lớn nhanh nếu được cung cấp đủ protein ở giai đoạn nhỏ và giai đoạn nhỡ. Thực nghiệm nuôi tại Indonexia cho thấy hàm lượng protein của thức ăn từ 35-40% có thể duy trì tốc độ tăng trưởng của tôm. Vậy loại thức ăn phù hợp nhất với tôm thẻ chân trắng gia đoạn nhỏ và nhỡ là:

**A.** Thức ăn công nghiệp

**B.** Sinh vật phù du

**C.** Các loại tảo

**D.** Các loại ngũ cốc

**Câu 23:** Bệnh nào sau đây thường xuất hiện trên cá rô phi ?

**A.** Lồi mắt.

**B.** Gan thận mủ.

**C.** Hoại tử thần kinh.

**D.** Đốm trắng

**Câu 24:** Áp dụng biện pháp nào để duy trì đặc tính tươi sống của sản phẩm thủy sản?

**A.** Ướp muối **B.** Làm khô

**C.** Làm lạnh **D.** Xông khói

**II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (4 ĐIỂM)**

**Câu 1: Cây đước là loài cây rất phổ biến tại Việt Nam, đặc biệt là vùng ngập mặn.** Cây phân bố dọc bờ biển các tỉnh từ Quảng Ninh đến Kiên Giang**. Không chỉ được trồng làm rừng phòng hộ mà rừng đước có rất nhiều vai trò khác. Khi nói về vai trò và việc khai thác rừng đước, mỗi nhận định dưới đây là đúng hay sai?**

**a)** Rừng đước là hàng rào bảo vệ bờ biển tránh khỏi sự xâm thực mặn, chắn cát, chắn sóng, chắn gió bão.

**b)** Rừng đước là nơi cư trú của nhiều loài thủy sản như: cua, cá, tôm, chim, lưỡng cư, bò sát

**c)** Việc trồng lại rừng đước sau khai thác không quan trọng bằng việc khai thác hợp lý ngay từ đầu.

**d)** Người dân ven biển có thể tự do khai thác rừng đước để làm củi hoặc đồ gia dụng.

**Câu 2.** Được mệnh danh là Kỳ lân châu Á, Sao la (Pseudoryx nghetinhensis) là một trong những loài thú quý hiếm nhất trên thế giới chỉ sinh sống tại vùng rừng núi hẻo lánh thuộc Trung Trường Sơn Việt Nam và Nam Lào. Nạn phá rừng và các bẫy thú là những mối đe dọa nghiêm trọng đối với sao la.

“Sao la tượng trưng cho tất cả những điều quan trọng hiện đang bị đe doạ. Nếu chúng ta có thể cứu Sao la, chúng ta sẽ cứu được cảnh quan rừng, đa dạng sinh học và những lợi ích hệ sinh thái mang lại, ví dụ như nguồn nước ngọt mà chúng ta đang phải phụ thuộc vào chẳng hạn. Do đó, đây không chỉ đơn thuần là bảo vệ một loài động vật trong tình trạng nguy cấp. Đây là cuộc chiến nhằm cứu lấy thiên nhiên, các lợi ích sinh thái, sinh kế cộng đồng và tất cả những gì mà loài Sao la đại diện.” (TS. Văn Ngọc Thịnh, Giám đốc Quốc gia WWF-Việt Nam)



Hình Sao la bị người săn bắt

Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai về bảo vệ tài nguyên rừng?

**a)** Loài Sao La đại diện cho sự đa dạng sinh thái và tài nguyên rừng ở nước ta.

b) Loài Sao La không nằm trong Sách Đỏ của Việt Nam.

**c)** Nguyên nhân chính khiến Sao La đứng trên bờ vực tuyệt chủng là do tác động của con người tới môi trường sống của chúng.

**d)** Biện pháp để bảo vệ loài Sao La là mở rộng diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và nghiêm cấm các hoạt động săn bắn, vận chuyển, mua bán, sử dụng động, thực vật hoang dã, quý hiếm.

**Câu 3.** Hãy xác định các phát biểu sau đây là đúng hay sai khi nói về môi trường nước nuôi thủy sản.

**a)** Màu nước nuôi phù hợp nhất cho các loài thuỷ sản nước ngọt là màu xanh nhạt (xanh nõn chuối) do sự phát triển của tảo lục.

**b)** Giá trị pH của thủy vực thay đổi theo chu kỳ ngày và đêm, vào ban ngày pH giảm xuống còn ban đêm pH tăng lên.

**c)** Để tạo điều kiện cho cá con phát triển tốt, trước khi thả cá giống cần phải bón phân cho thủy vực để thực vật phù du phát triển.

**d)** Một số ao nuôi cá vào buổi sáng sớm, cá có hiện tượng nổi đầu trên mặt nước, nguyên nhân là do ao thiếu oxygen hòa tan. Để khắc phục tình trạng này cần phải bổ sung thực vật phù du cho ao.

**Câu 4.** Khi nói về ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản và chế biến thức ăn thuỷ sản, các phát biểu sau đây là đúng hay sai?

**a)** Các loại thức ăn chăn nuôi thuỷ sản như: thức ăn hỗn hợp dạng viên, khô đậu nành lên men là các sản phẩm ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất.

**b)** Quy trình lên men khô đậu nành làm thức ăn cho thủy sản theo thứ tự các bước như sau:

Bước 1: Nhân sinh khối vi sinh vật có lợi

Bước 2: Phối trộn

Bước 3: Lên men

Bước 4: Đánh giá chế phẩm

Bước 5: Làm khô và đóng gói.

**c)** Để làm tăng hàm lượng protein trong cám gạo người ta dùng nấm men *Saccharomyces cerevisiae* để lên men cám gạo.

**d)** Các phụ phẩm của cá tra, cỏ khô, rơm rạ, bã đậu nành …có thể sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất thức ăn thuỷ sản khi ứng dụng công nghệ sinh học.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: 6 điểm**

(***Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | **C** | **C** | **A** | **C** | **B** | **C** | **C** | **A** | **A** | **B** | **B** | **C** |
| Câu | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| Đáp án | **A** | **A** | **A** | **A** | **D** | **B** | **A** | **C** | **A** | **A** | **A** | **C** |

**Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai: 4 điểm**

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm.

Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

* Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
* Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
* Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
* Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ý** | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** |
| **a** | Đ | Đ | Đ | S |
| **b** | Đ | S | S | Đ |
| **c** | S | Đ | Đ | Đ |
| **d** | S | Đ | S | Đ |